

PHU LUC SỐ 02

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG (NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP) NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

ĐVT: Triệu đồng

STT		Dự toán giao năm 2024					Ước giải ngân năm 2024					Tỷ lệ giải ngân năm 2024	Ghi chú
		Tổng số	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang		Tổng số	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang			
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		
	Tổng cộng	320.926	222.870	9.434	86.605	2.018	198.818	112.482	3.977	81.361	999	62,0%	
1	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	222.781	159.614	5.457	55.722	1.988	126.502	72.615	-	52.918	969	56,8%	Chi tiết như Biểu số 01 kèm theo
2	Chương trình MTQG XDNTM	4.055	3.310	57	669	20	4.055	3.310	57	669	20	100,0%	Chi tiết như Biểu số 02 kèm theo
3	Chương trình MTQG GNBV	94.090	59.946	3.920	30.214	10	68.262	36.557	3.920	27.775	10	72,5%	Chi tiết như Biểu số 03 kèm theo

BIỂU SỐ 01 - PHỤ LỤC SỐ 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuấn Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024					Ước giải ngân năm 2024					Tỷ lệ giải ngân(%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang			
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		
	TỔNG CỘNG	222.781,4	159.614,0	5.457,0	55.722,4	1.987,9	126.501,6	72.614,7	0,0	52.917,9	968,9	56,8%	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt	9.004,5	8.878,0	-	126,5		9.004,5	8.878,0	0,0	126,5		100,0%	
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	-			-								
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (sự nghiệp kinh tế)	9.004,5	8.878,0	-	126,5		9.004,5	8.878,0	0,0	126,5			Phòng Dân tộc
	+ Sự nghiệp kinh tế	9.004,5	8.878,0		126,5		9.004,5	8.878,0		126,5			
	+ Đảm bảo xã hội	-											
2	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	-											
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	169.472,5	128.719,0	5.457,0	34.277,5	1.019,0	73.192,7	41.719,7	0,0	31.473,0		43,2%	TT DV NN
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	168.453,5	128.719,0	5.457,0	34.277,5	1.019,0	73.192,7	41.719,7	0,0	31.473,0			
	+ Sự nghiệp y tế	2.805,0			2.805,0								
	+ Sự nghiệp kinh tế	166.667,5	128.719,0	5.457,0	31.472,5	1.019,0	73.192,7	41.719,7		31.473,0			
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực	33.963,8	17.314,0	-	15.680,8	968,9	33.963,8	17.314,0	-	15.680,8	968,9	100,0%	UBND các xã, phòng GDĐT, phòng KT-HT và BQLDA-PTQĐ
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (sự nghiệp kinh tế)	33.963,8	17.314,0		15.680,8	968,9	33.963,8	17.314,0		15.680,8	968,9		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.253,8	-	-	2.253,8		2.253,8	0,0	0,0	2.253,8		100,0%	TTGDNN-GDTEX
-	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN(sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	289,2	-		289,2		289,2			289,2			
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề)	1.964,6	-		1.964,6		1.964,6			1.964,6			
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	693,8	626,0		67,8		693,8	626,0		67,8		100,0%	Phòng VH-TT

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao Năm 2024				Ước giải ngân năm 2024				Tỷ lệ giải ngân(%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn		
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang		Tổng cộng	Năm 2024				Nguồn năm 2023 chuyển sang	
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			NSTW	NSDP
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	-											
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	4.717,1	2.272,5	-	2.444,6	4.717,1	2.272,5	0,0	2.444,6		100,0%	Hội LHPN huyện và UBND các xã	
	+ Sự nghiệp kinh tế	-			-								
	+ Đảm bảo xã hội	4.717,1	2.272,5		2.444,6	4.717,1	2.272,5		2.444,6				
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.116,8	668,6	-	448,2	1.116,8	668,6	0,0	448,2		100,0%		
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển KT-XH các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù (sự nghiệp văn hóa thông tin)	-			-								
-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đảm bảo xã hội)	1.116,8	668,6	-	448,2	1.116,8	668,6	0,0	448,2			Phòng Dân tộc và UBND các xã	
	+ Sự nghiệp kinh tế	-											
	+ Đảm bảo xã hội	1.116,8	668,6		448,2	1.116,8	668,6		448,2				
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.559,2	1.136,0	-	423,2	1.559,2	1.136,0	0,0	423,2		100,0%		
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.149,3	740,0		409,3	1.149,3	740,0		409,3			UBND các xã và phòng Dân Tộc	
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hóa thông tin)	-			-								
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	410,0	396,0		14,0	410,0	396,0		14,0			UBND các xã và phòng Dân Tộc	

BIỂU SỐ 02 - PHỤ LỤC SỐ 02

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2024					Ước giải ngân năm 2024					Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang			
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		
	TỔNG CỘNG	4.055,09	3.310,00	56,50	668,82	19,77	4.055,09	3.310,00	56,50	668,82	19,75	100%	-
1	Nội dung thành phần số 01: CTMT: 00491 NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH	941,25	600,00	-	325,00	16,25	941,25	600,00	-	325,00	16,25	100%	-
-	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ...	941,25	600,00		325,00	16,25	941,25	600,00		325,00	16,25	100%	
2	Nội dung thành phần số 03: CTMT: 0493 tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, triển khai mạnh mẽ chương trình mỗi xã 1 SP (OCOP) nhằm nâng cao giá trị tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu.	756,52	700,00	56,50	-	0,02	756,52	700,00	56,50	-	100%	-	
-	Nội dung 4: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền	256,52	200,00	56,50	-	0,02	256,52	200,00	56,50	-	0,02	100%	
-	Nội dung 8: Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	500,00	500,00				500,00	500,00				100%	
3	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	320,00	-	-	320,00		320,00	-	-	320,00		100%	
-	- Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	320,00			320,00		320,00			320,00		100%	
4	Nội dung thành phần số 07	1.800,00	1.800,00	-	-		1.800,00	1.800,00	-	-		100%	-
-	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	1.800,00	1.800,00				1.800,00	1.800,00				100%	
4	Nội dung thành phần số 11: CTMT: 0502 Tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thống về XDNT mới thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức XDNT mới	237,32	210,00	-	23,82	3,50	237,32	210,00	-	23,82	3,50	100%	
-	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ...	237,32	210,00		23,82	3,50	237,32	210,00		23,82	3,50	100%	

BIỂU SỐ 03 - PHỤ LỤC SỐ 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2024					Ước giải ngân năm 2024					Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyên sang		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyên sang			
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		
	TỔNG CỘNG	94.090	59.946	3.920	30.214	10	68.262	36.557	3.920	27.775	10	72,5%	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	14.932	8.210	-	6.722		14.932	8.210		6.722		100%	
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	6.588	5.174		1.414		6.588	5.174		1.414		100%	Phòng KT-HT và UBND 18 xã
-	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (sự nghiệp kinh tế)	8.344	3.036	-	5.308		8.344	3.036		5.308		100%	Ban QLDA
2	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (sự nghiệp kinh tế)	40.185	24.646		15.539		21.755	6.216		15.539		54%	Trung tâm DVNN
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	13.544	6.845	-	6.699		6.146	1.886		4.260		45%	
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Sự nghiệp kinh tế)	11.639	4.959		6.680		4.241			4.241		36%	Trung tâm DVNN
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Sự nghiệp y tế dân số và gia đình)	1.905	1.886		19		1.905	1.886		19		100%	Phòng Y tế
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	500	43	-	457		500	43		457		100%	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	-	-		-		-						Trung tâm GDNN-GDTX

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2024				Ước giải ngân năm 2024				Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú/Đơn vị được giao vốn		
		Tổng cộng	Năm 2024		Nguồn năm 2023 chuyển sang		Tổng cộng	Năm 2024				Nguồn năm 2023 chuyển sang	
			NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			NSTW	NSDP
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sự nghiệp kinh tế)	150	43		107		150	43		107	100%	Phòng LĐTBXH	
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững (sự nghiệp kinh tế)	350	-		350		350			350	100%	Phòng LĐTBXH	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (sự nghiệp kinh tế)	21.200	17.210	3.920	60	10	21.200	17.210	3.920	60	10	100%	UBND 19 xã, thị trấn
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.037	1.535	-	502		2.037	1.535	-	502		100%	
-	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (sự nghiệp văn hóa thông tin)	1.588	1.086		502		1.588	1.086		502		100%	Phòng VH-TT
-	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (sự nghiệp văn hóa thông tin)	449	449		-		449	449				100%	UBND 19 xã, thị trấn
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	1.692	1.457	-	235		1.692	1.457	-	235		100%	
-	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	1.113	935,9		177		1.113	935,9		177		100%	Phòng LĐTBXH và UBND 19 xã, thị trấn
-	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề)	579	521		58		579	521		58		100%	Phòng LĐTBXH và UBND 19 xã, thị trấn